

Số: /BC-UBND

Hà Quảng, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
Thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi

Thực hiện Văn bản số 955/SNN-TT&CN ngày 23/5/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng về việc báo cáo thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi. Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng đã ban hành Văn bản số 1569/UBND-NN, ngày 30 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng về việc báo cáo thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi năm 2022.

Sau khi rà soát và tổng hợp 21/21 xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng báo cáo như sau:

1. Thống kê dữ liệu chăn nuôi: (có biểu chi tiết kèm theo)

2. Khó khăn, vướng mắc:

- Đa số người dân vẫn chăn nuôi theo phương thức cũ, chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp an toàn dịch bệnh, chưa có nhiều hộ có chăn nuôi quy mô tập chung lớn. Quy mô chỉ ở mức độ chăn nuôi nhỏ lẻ, một số hộ chưa có biện pháp xử lý chất thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Lượng lớn chất thải chăn nuôi chưa được thu gom và xử lý là nguồn lây lan dịch bệnh trên địa bàn huyện.

- Phần lớn người dân chăn nuôi theo hình thức sản xuất tự cung tự cấp, lấy công làm lãi, tận dụng thời gian và thức ăn dư thừa, phế phụ phẩm nông nghiệp dùng để làm thức ăn chăn nuôi là chính nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Hiện nay trên địa bàn huyện Hà Quảng các giống gia súc, gia cầm được nuôi chủ yếu là giống sẵn có tại địa phương, một phần được mua từ các hộ khác trong huyện là chính, cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ; Nguồn gốc và chất lượng con giống không bảo đảm, việc lai tạo chưa được quan tâm nhiều vì vậy đã ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng, phát triển của đàn vật nuôi.

- Giá cả thức ăn chăn nuôi tăng cao, trong khi giá bán các loại sản phẩm chăn nuôi lại thấp... người dân không thật sự đầu tư trong chăn nuôi vì không có lãi.

- Số lượng trâu, bò vỗ béo đã đến thời điểm xuất chuồng nhưng người dân không bán được, do không có người mua hoặc rất ít thương lái đến thu mua...

3. Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Đề nghị cấp trên có các chính sách hỗ trợ người dân về vốn, cải tạo con giống, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để nâng cao hiệu quả, bảo đảm an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường.

- Hỗ trợ người chăn nuôi tìm đầu ra cho số lượng trâu, bò vỗ béo còn tồn trong các xã, thị trấn trên địa bàn.

- Đối với các hộ chăn nuôi: Chuồng nuôi cần phải có nơi thu gom, hồ ủ phân tận dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến từng hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

Trên đây là Báo cáo kết quả thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi trên địa bàn huyện Hà Quảng./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN (Vượng, Giang, Thùy).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Triệu Đình Dũng

PHỤ LỤC I
Thực trạng quản lý chất thải chăn nuôi

TT	Loại hình chăn nuôi	Tổng số cơ sở	Có báo cáo đánh giá tác động môi trường	Có giấy phép môi trường/ kế hoạch BVMT	Có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi	Không có biện pháp
1	Trang trại chăn nuôi quy mô lớn	0				
2	Trang trại chăn nuôi quy mô vừa	0				
3	Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ	04				
4	Chăn nuôi nông hộ	11.994			10.257	1.734

PHỤ LỤC II
Các biện pháp xử lý môi trường chăn nuôi nông hộ

TT	Nội dung		Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm	Chăn nuôi khác	Ghi chú
1	Số hộ chăn nuôi làm đệm lót sinh học	Số hộ			01	18		
		Tổng diện tích (m ²)			32	64		
2	Số hộ chăn nuôi có xây dựng công trình khí sinh học (biogas)		10	2	304			
3	Số hộ chăn nuôi ủ/bán/cho phân gia súc, gia cầm							
4	Số hộ chăn nuôi đã xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học							
5	Số hộ chăn nuôi đã xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ khác							Ghi rõ công nghệ xử lý

PHỤ LỤC III

Các biện pháp xử lý môi trường trong chăn nuôi trang trại

[illegible]

PHỤ LỤC IV**Thông kê chăn nuôi tại địa phương****1. Trang trại, nông hộ chăn nuôi**

TT	Chỉ tiêu	Số cơ sở	Số lượng vật nuôi*	Ghi chú
I	Trang trại chăn nuôi			
1	Trang trại chăn nuôi quy mô lớn			
-	Chăn nuôi lợn			
-	Chăn nuôi gia cầm			
-	Chăn nuôi trâu			
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu sao			
2	Trang trại chăn nuôi quy mô vừa			
-	Chăn nuôi lợn			
-	Chăn nuôi gia cầm			
-	Chăn nuôi trâu			
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu sao			
3	Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ			
-	Chăn nuôi lợn	04	50 – 80 con	
-	Chăn nuôi gia cầm	01	Gà, vịt	
-	Chăn nuôi trâu			
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi bò thịt	02	20-80	
-	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu sao	92 hộ	2.282 con (dê)	30 con (Hươu)
II	Nông hộ chăn nuôi	11.994		

-	Chăn nuôi lợn	4.797		
-	Chăn nuôi gia cầm	11.994		
-	Chăn nuôi trâu	3.598		
-	Chăn nuôi bò thịt			
-	Chăn nuôi bò thịt	3.599		
-	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu sao vật nuôi khác	292		
-	Chăn nuôi đông, dế, bò cạp, giun quế, rồng đất			

5. Cơ cấu đàn giống trên địa bàn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng thời điểm báo cáo
I	Chăn nuôi lợn		
1.1	Đàn lợn nái		
	- Nái cụ kỵ, ông bà		
	+ Nái sinh sản	Con	
	+ Cái hậu bị	Con	
	- Nái bố mẹ	5.845	
	+ Nái Sinh sản	Con	
	+ Cái hậu bị	Con	
1.2	Đàn lợn đực	129	
	- Đực khai thác tinh	3 Con	
	- Đực phối giống trực tiếp	126 Con	
2	Chăn nuôi gà		
2.1	Gà giống ông bà		
	- Mái sinh sản		
	- Đực giống		
2.2	Gà giống bố mẹ		
	- Mái sinh sản	293.554	
	- Đực giống	32.617	
3	Chăn nuôi vịt		

3.1	Vịt giống ông bà		
	- Mái sinh sản	293.554	
	- Đực giống	32.617	
3.2	Vịt giống bố mẹ		
	- Mái sinh sản	800	
	- Đực giống	100	